TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày: 22 - 02 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Phạm Việt Trung

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2018/QĐPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Bà Tạ Kim L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Liêu Thị D, sinh năm 1956 (có mặt).

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho bà D: Ông Nguyễn Văn Thạnh, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện U Minh

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp cho UBND huyện U Minh: Ông Dư Bé Ba – Chức vụ Chủ tịch UBND huyện U Minh (vắng mặt).

2. Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Phích

Địa chỉ: ấp 7, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Dương Văn Ph, sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Anh Lê Trường S(vắng mặt)

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Liêu Thị D – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2016 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hồng S và bà Tạ Kim L trình bày:

Vào năm 2002, vợ chồng ông S bà L có mua của bà Tạ Kim Vẹn diện tích đất 9.307 m^2, vị trí đất phía Đông giáp đất của bà Tạ Kim L, bà Dương Thị U; phía Tây giáp lộ xe U Minh - Tắc Thủ; phía Nam giáp đất ông Lê Văn Tám; phía Bắc giáp đất bà Dương Thị U. Đất đã được ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 với diện tích 9.307 m^2. Từ khi sang đất ông, bà canh tác liên tục đến năm 2016 phía bà D đến phần đất của ông, bà cất nhà, loại nhà bằng cây gỗ địa phương, vách lá, lợp tol típ lô, nền đất trên phần đất giáp với lộ xe U Minh - Tắc Thủ thuộc quyền sử dụng của ông bà không cho ông, bà vào đất. Ông S, bà L yêu cầu bà D tháo dở nhà và trả lại hiện trang đất theo kết quả đo đạc ngang 3,3 mét dài 5,0 mét, diện tích là 16,5 m^2 cho ông, bà.

- Tại đơn yêu cầu ngày 20 tháng 7 năm 2016 và tại phiên tòa bị đơn bà Liêu Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D ông Nguyễn Văn Thạnh trình bày:

Nguồn gốc đất trước đây là của bà D, vào năm 1992 bà D sang lại cho ông 5 Ngon (không rõ họ, hiện không rõ địa chỉ), với diện tích đất là 7 công tầm 3 mét, phần đất sang đến kinh thủy lợi, ông Ngon canh tác được 2 năm thì sang lại cho ông Phạm Hoàng Hiếm toàn bộ 7 công tầm 3 mét, sau đó ông Hiếm tiếp tục sang lại cho bà Tạ Kim Vẹn cũng đúng với diện tích 7 công tầm 3 mét, sang đến kinh thủy lợi. Từ kinh thủy lợi trở ra đến lộ xe khoảng 21 mét là không có sang, phần này thuộc quyền sử dụng của bà D. Khi mở rộng lộ xe U Minh - Tắc Thủ thì xảy ra tranh chấp phần tiền nhận hỗ trợ, bồi thường thì bà L được nhận tiền. Bà D tiếp tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất cho đến nay. Theo văn bản của Uỷ ban nhân dân huyện U Minh xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L ông S đến giáp với lộ xe U Minh – Tắc Thủ là không phù hợp yêu cầu làm rõ. Còn việc bà L làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến lộ xe U Minh - Tắc Thủ là bà L, ông S tự chiếm còn phần đất hiện nay bà D cất nhà loại nhà bằng cây gỗ địa phương, vách lá, lợp tol típ lô, nền đất trên phần đất giáp với lộ xe U Minh -Tắc Thủ là phần đất hợp pháp của bà D, phần đất còn lại tiếp giáp với lộ xe U Minh – Tắc Thủ ông S bà L sử dụng, phía bên bị đơn không đồng ý tháo dở nhà trả lại đất theo yêu cầu của bà L ông S và yêu cầu ông S bà L trả lại

toàn bộ phần đất từ kinh thủy lợi đến tiếp giáp với lộ xe U Minh – Tắc Thủ theo kết quả đo đạc đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai diện tích 527 m^2. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà L đối với phần đất nêu trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại văn bản số 4525/UBND-NĐ ngày 05 tháng 12 năm 2016 Ủy ban nhân dân huyện U Minh trình bày:

Ngày 23 tháng 12 năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L với diện tích là 9.307 m^2 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 11, thuộc ấp 9, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà L là đúng theo quy định của pháp luật. Theo sơ đồ trích lục thể hiện phần đất nêu trên tiếp giáp với lộ xe U Minh – Cà Mau. Đối với khiếu nại của bà Liêu Thị D về nội dung yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà L là không có cơ sở pháp lý.

Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích ông Võ Văn Liêu trình bày:

Phần đất tranh chấp giữa bà L, ông S với bà D theo thực tế ở địa phương quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, người dân cần sử dụng thì phải có đơn yêu cầu và có sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, tuy nhiên chưa có văn bản nào giao quyền quản lý. Ủy ban nhân dân huyện U Minh xác định phần đất tranh chấp này thuộc quyền sử dụng đất của bà L, ông S thì Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện U Minh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa anh Dương Văn Ph trình bày:

Phần đất tranh chấp giữa bà L, ông S với mẹ anh là bà D từ kinh thủy lợi trở ra tiếp giáp với Lộ xe U Minh - Cà Mau. Trước đây mẹ anh sang cho ông 5 Ngon từ kinh Thủy lợi trở vào, sau này ông Ngon sang lại cho người khác cho đến ông S, bà L cũng sang từ kinh thủy lợi trở vào còn phần từ kinh thủy lợi trở ra tiếp giáp với lộ xe U Minh – Cà Mau bà D không có sang nhượng mà còn quyền quản lý, sử dụng của bà D. Anh Phai thống nhất với yêu cầu của bà D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2018 anh Lê Trường Strình bày:

Khoảng tháng 7 năm 2018 anh có ở nhờ trên căn nhà của anh Dương Văn Ph cất, căn nhà cất trên phần đất đang tranh chấp để tập kết cây tràm, hiện tại anh đang ở trường hợp Tòa án giải quyết đất thuộc về ông S, bà L thì anh trả lại, nếu đất thuộc về bà D thì anh tiếp tục mượn.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Hđã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 157; Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hồng S và bà Tạ Kim L về việc yêu cầu bà Liêu Thị D trả lại đất.

- Buộc bà Liêu Thị D và anh Dương Văn Ph trả lại cho ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L diện tích đất ngang 3,3 mét dài 5,0 mét, diện tích 16,5 m^2, tại ấp 9, xã Nguyễn Phích huyện U Minh theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh ngày 20 tháng 9 năm 2017.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Liêu Thị D yêu cầu ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L trả diện tích đất ngang 31 mét dài 17 mét, diện tích 527 m^2 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh ngày ngày 20 tháng 9 năm 2017.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Liêu Thị D yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106 cấp ngày 23 tháng 12 năm 2011, thửa số 104 của ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L.

- Buộc bà Liêu Thị D, anh Dương Văn Ph tháo dở, di dời 2 căn nhà: Căn nhà thứ nhất khung nhà bằng cây gổ địa phương, nền đất, lợp tol, vách lá ngang 3,3 mét dài 5 mét; căn nhà thứ hai khung nhà bằng cây gổ địa phương, nền đất, vách lá, lợp lá ngang 4,4 mét dài 4,0 mét trả lại hiện trạng đất cho bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Hồng S.

- Chi phí đo đạc đất: Buộc bà Liêu Thị D trả lại cho ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L với số tiền là 2.169.000 (hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30.10.2018, bà Liêu Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm với nội dung: Buộc ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L trả diện tích đất ngang 31 mét dài 17 mét, diện tích 527 m^2 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh ngày ngày 20 tháng 9 năm 2017. Đồng thời, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106 cấp ngày 23 tháng 12 năm 2011, thửa số 104 của ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Liêu Thị D và đại diện cho bà D là ông Nguyễn Văn Thạnh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các

đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Án sơ thẩm vi phạm tố tụng, biên bản nghị án không có phần biểu quyết; đối với phần đất cấp cho vợ chồng bà L, ông S diện tích 9.307m^2 cũng cần làm rõ có hay không việc vợ chồng bà L, ông S có sang nhượng phần đất Kênh xáng thủy lợi đang tranh chấp, với diện tích 527m^2. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Hgiải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Liêu Thị D yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, với nội dung: Buộc ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L trả diện tích đất ngang 31 mét dài 17 mét, diện tích 527 m ^{2} theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh ngày ngày 20 tháng 9 năm 2017. Đồng thời, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106 cấp ngày 23 tháng 12 năm 2011, thửa số 104 của ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về diện tích, vị trí phần đất tranh chấp bà Tạ Kim L, ông Nguyễn Hồng S yêu cầu bà Liêu Thị D trả lại theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh có diện tích là 16,5 m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau. Đối với diện tích, vị trí đất tranh chấp bà D yêu cầu bà L, ông S trả lại là 693 m^2 nhưng theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh có diện tích đất là 527 m^2, trên phần đất có 02 căn nhà tạm do bà D và anh Phai cất. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp, ông Nguyễn Hồng S và bà Tạ Kim L sang nhượng lại từ bà Tạ Kim Vẹn (trước đó bà D sang nhượng đất này bằng giấy tay, sau đó việc sang nhượng qua nhiều người, đến bà L, ông S là người sau cùng), đất tranh chấp tiếp giáp với lộ xe U Minh - Cà Mau, sau khi giải quyết tranh chấp năm 2007 thì vợ chồng bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với tổng diện tích 9.307m^2. Phần đất bà Liêu Thị D yêu cầu 16,5 m^2 nằm một phần trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà L.

[3] Việc bà Liêu Thị D cho rằng phần đất từ Kinh thủy lợi trở vào là của bà L, ông S. Đất từ Kinh thủy lợi trở ra đến tiếp giáp lộ xe U Minh – Cà Mau là của bà D theo kết quả đo dạc là 527 m^2 (trong đó có 16,5 m^2 bà L, ông S yêu cầu bà trả lại là của bà D), nên bà D yêu cầu ông S, bà L bà trả lại và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà L. Về quá trình sử dụng phần đất tranh chấp này, vào năm 2007, ông Phạm Văn Đôi và bà Dương Thị U (chị ruột bà D) có tranh chấp với ông S, bà L, bà Dương Thị U cho rằng phần đất 8.200m^2 vợ chồng bà đòi là do cha mẹ bà Út để lại, bà D sang nhượng bà Út không đồng ý. Qua xác minh, UBND huyện U Minh xác định phần đất là của vợ chồng ông Dương Văn Hăm và Liêu Thị D tự cặm năm 1980, đất đồng năng canh tác không có năng xuất, nên năm 1994 vợ chồng bà D sang nhượng lại cho ông Lê Văn Ngon, năm 2000 ông Ngon sang nhượng lại cho ông Phạm Hoàng Hiếm, năm

2002 ông Hiếm sang nhượng nhượng lại cho bà Tạ Kim L. Do vợ chồng bà Dương Thị U đòi đất không có căn cứ, nên tại Quyết định số: 603/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện U Minh bác yêu cầu vợ chồng bà Út, giữ nguyên hiện trạng 8.200m^2 cho bà Tạ Kim L sử dụng (Bút lục số: 87). Khi lập bản vẽ cấp cho bà L (Bút lục số 84), ngày 06/8/2011, UBND huyện U Minh xác định cấp đất cho bà L đến giáp Lộ Xe U Minh – Cà Mau trong đó có ghi chú diện tích đất hành lang an toàn giao thông (Kinh thủy là 330m^2). Tại đơn đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ (Bút lục số 86), có nội dung Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp đất cho bà L tổng diện tích 9.307m^2 (trong đó cấp theo Quyết định số: 603/QĐ-UBND nêu trên là 8.200m^2, đối với diện tích đất 1.107m^2 giáp đất liền kề phần đất 8.200m^2 thì phần đất 1.107m^2 được xác định là không có tranh chấp. Đồng thời, theo "tờ sang nhượng đất" lập ngày 20/12/1994 (Bút lục số: 97) thể hiện bà D đã chuyển nhượng đất cho ông Ngon 7,5 công (ghi chung chung, không ghi phần giáp Kênh xáng thủy lợi); năm 1999 ông Ngon sang nhượng đất này cho ông Hiếm, năm 2000 ông Hiếm sang cho bà Tạ Kim Vẹn (Bút lục số: 99), năm 2002 bà Vẹn sạng nhượng giấy tay cho bà L; các giấy tay từ năm ông Hiếm trở về sau đều có nêu *phần đất sang nhượng mặt tiền đều giáp lộ xe U Minh – Cà Mau*. Chính vì lẽ đó, vào năm 2007 UBND huyện U Minh đã giải quyết tranh chấp bằng Quyết định 603 như đã nêu trên, với kết quả này phía bà L đã đăng ký quyền sử dụng đất. Hơn nữa, về phần đất tranh chấp, khi có chủ trương mở rộng tuyến lộ U Minh – Cà Mau, Nhà nước ra Thông báo hỗ trợ tiền khi mở rộng tuyến lộ cũng đã xác định chủ sử dụng đất được nhận tiền hỗ trợ bà L (Bút lục số 145). Đồng thời, tại Công văn số: 4525/UBND – NĐ ngày 05 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện U Minh xác định trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ của cho bà L, ông S là đúng. Tại công văn số: 1662/UBND – NĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 của UBND huyện U Minh cũng xác định vị trí, diện tích đất tranh chấp giữa ông S, bà L với bà D thì phần đất tranh chấp giữa bà L, ông S, với bà D là nằm trong Giấy CNQSDĐ của bà Tạ Kim L. Từ phân tích trên, bà D cho rằng đất của bà nên bà yêu cầu khởi kiện đòi lại và bà tiếp tục cất nhà trên phần đất hành lang an toàn giao thông đã cấp cho bà L, ông S là không phù hợp.

[4] Từ phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc bà D, ông Phai tháo dở 02 căn nhà trả lại diện tích 16,5m^2 cho bà L ông S, giữ y phần đất tranh chấp 527m^2 cho bà L ông S tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, như đã nhận định phần đất tranh chấp thuộc đất hành lang an toàn giao thông, nên việc sử dụng phải tuân theo quy định chung của pháp luật. Tại khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013, Điều 56 Nghị Định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất đúng theo mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình.

[5] Bà Liêu Thị D có cho anh Lê Trường Smượn căn nhà do bà D, anh Phai cất trên phần đất tranh chấp để ở, anh Sơn không yêu cầu gì, bà D, anh Phai cũng xác định không xảy ra tranh chấp với anh Lê Trường Snên không xem xét.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng về biên bản nghị án (do không có biểu quyết) là không phù hợp, vì biên bản nghị án (Bút lục số: 219) đã có nội dung biểu quyết, thực hiện đúng mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện U Minh đã cấp Giấy CNQSDĐ cho bà L, ông S là đúng quy định pháp luật, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà D là phù hợp.

[7] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim Bà L không phải chịu, đã dự nộp tạm ứng, bà D phải hoàn trả toàn bộ 2.169.000 đồng cho ông S, bà L đúng với quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L không phải chịu, đã dự nộp số tiền 200.000 đồng, theo lai thu số 05694 ngày 30 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục thi hành án huyện U Minh được nhận lại. Bà Liêu Thị D là người cao tuổi nhưng không có nộp hồ sơ, đơn xin miễn án phí nên bà phải chịu án phí sơ thẩm tổng cộng 400.000 đồng (trong đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 200.000 đồng, phản tố của bị đơn không được chấp nhận là 200.000 đồng), bà D đã dự nộp 340.000 đồng được đối trừ và nộp tiếp 60.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Bà Liêu Thị D phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 0004034 ngày 05/11/2018 tại Chi cục thi hành án huyện U Minh được chuyển thu đối trừ.

[9] Việc xét xử vắng mặt các đương sự không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo trình tự thủ tục luật định.

[10] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Liêu Thị D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh**,** tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hồng S và bà Tạ Kim L về việc yêu cầu bà Liêu Thị D trả lại đất.

Buộc bà Liêu Thị D và anh Dương Văn Ph trả lại cho ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L diện tích đất ngang 3,3 mét dài 5,0 mét, diện tích 16,5 m ^{2}, tại ấp 9, xã Nguyễn Phích huyện U Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Liêu Thị D yêu cầu ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L trả diện tích đất ngang 31 mét dài 17 mét, diện tích 527 m ^{2} và không chấp nhận yêu cầu của bà Liêu Thị D yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106 cấp ngày 23 tháng 12 năm 2011, thửa số 104 của ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L.

Buộc bà Liêu Thị D, anh Dương Văn Ph tháo dở, di dời 02 căn nhà: căn nhà thứ nhất khung nhà bằng cây gỗ địa phương, nền đất, lợp tol, vách lá ngang 3,3 mét dài 5 mét; căn nhà thứ hai khung nhà bằng cây gổ địa phương, nền đất, vách lá, lợp lá ngang 4,4 mét dài 4,0 mét trả lại hiện trạng đất cho bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Hồng S.

(Kèm theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh ngày 20 tháng 9 năm 2017).

3. Chi phí đo đạc đất: Buộc bà Liêu Thị D trả lại cho ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L với số tiền là 2.169.000 (hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng S, bà Tạ Kim L không phải chịu án phí, ngày 30 tháng 5 năm 2016 ông S, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05694 được nhận lại. Bà Liêu Thị D phải chịu án phí với số tiền là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, bà D đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 340.000 đồng, theo biên lai số 05756 ngày 25 tháng 7 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, bà D phải nộp tiếp số tiền 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng.

Án phí phúc thẩm: Bà Liêu Thị D phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 0004034 ngày 05/11/2018 tại Chi cục thi hành án huyện U Minh được chuyển thu đối trừ.

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út